TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34 /2019/DS-ST
Ngày: 29/7/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng
2. Bà Nguyễn Thị Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2019về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXXST - DS ngày 24 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐST-DS ngày 11/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S.**

Địa chỉ: Lầu 8, 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Trường T là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S theo Giấy ủy quyền số 299/2019/UQ-TTT ngày 15/01/2019.

Bị đơn: **Ông Hoàng Thế C,** sinh năm 1956

Địa chỉ: F20 đường X, phường Y, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Thịnh xin vắng mặt, ông C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản làm việc và biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có ông Phạm Trường T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 07/10/2011, ông Hoàng Thế C và Ngân hàng TMCP S ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và

Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông C, Ngân hàng đã đồng ý cấp 2 thẻ tín dụng (gồm thẻ Visa Parkson 464932 – 0362, thẻ Visa Credit Gold 472075 – 3608) với hạn mức sử dụng chung là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 140.322.566 đồng (trong đó thẻ Visa Parkson 464932 – 0362 là 78.150.783 đồng, thẻ Visa Credit Gold 472075 – 3608 là 62.171.783 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 208.612.291 đồng (trong đó thẻ Visa Parkson 464932 – 0362 là 123.096.930 đồng, thẻ Visa Credit Gold 472075 – 3608 là 85.515.361 đồng). Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ, do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 29/7/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 33.508.848 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 29/7/2019 ông C còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc là 33.508.848 đồng
- Nợ lãi quá hạn là: 26.440.148 đồng
  Tổng dư nợ là: 59.948.996 đồng.

Nay, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Thế C trả tổng cộng số tiền tính đến ngày 29/7/2019 là: 59.948.996 đồng (Năm mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi tám ngàn, chín trăm chín mươi sáu đồng) bao gồm số tiền nợ gốc là 33.508.848 đồng (ba mươi ba triệu, năm trăm lẻ tám ngàn, tám trăm bốn mươi tám đồng) và tiền lãi quá hạn là 26.440.148 đồng (Hai mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn, một trăm bốn mươi tám đồng). Từ ngày 29/7/2019 tiền lãi vẫn tiếp tục phát sinh dựa trên áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại theo thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Hoàng Thế C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân Quận 2 đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Quận 2 nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Hoàng Thế C, địa chỉ: F20 đường X, phường Y, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Theo kết quả xác minh ngày 19/3/2019 của Công an phường Y cho biết *"ông Hoàng Thế C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: F20 đường X, phường Y, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện nay không cư trú tại địa phương đi đâu không rõ"*do đó xác định đây là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04/NQ – HĐTP/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Phạm Trường T là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt và bị đơn ông Hoàng Thế C vắng mặt không có lý do nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại địa chỉ số F20 đường X, phường Y, Quận 2, Tp. Chí Minh, trụ sở Ủy ban nhân dân phường Bình An, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân Quận 2 đối với ông Hoàng Thế C nhưng ông C vắng mặt không lý do, cụ thể:

- Lần 1: Vào ngày 29/3/2019, niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án số 53/2019/TB-TA ngày 25/02/2019 và Giấy triệu tập đương sự ngày 29/3/2019, triệu tập ông Hoàng Thế C đến Tòa án nhân dân Quận 2 vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 16/4/2019 để trình bày lời khai;

- Lần 2: Vào ngày 07/5/2019, niêm yết công khai Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 01, Giấy triệu tập đương sự ông Hoàng Thế C đến Tòa án nhân dân Quận 2 lúc 09 giờ 00 phút ngày 23/5/2019 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 01.

- Lần 3: Vào ngày 29/5/2019, tống đạt Thông báo kết quả mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 02, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 02, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án nhân dân Quận 2 lúc 09 giờ 00 phút ngày 14/6/2019 để tham gia phiên họp và hòa giải lần thứ 02.

- Lần 4: Vào ngày 24/6/2019, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXX ngày 24/6/2019 và giấy triệu tập đương sự, yêu cầu ông Hoàng Thế C có mặt tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 2 vào lúc 08 giờ 30 ngày 11/7/2019 để tiến hành xét xử vụ án;

- Lần 5: Vào ngày 11/7/2019, niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐST-DS ngày 11/7/2019 và giấy triệu tập đương sự, yêu cầu ông Hoàng Thế C có mặt tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 2 vào lúc 08 giờ 00 ngày 29/7/2019 để tiến hành xét xử. Tuy nhiên, ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Hoàng Thế C.

[4] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Thế C trả tổng cộng số tiền tính đến ngày 29/7/2019 là: 59.948.996 đồng (Năm mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi tám ngàn, chín trăm chín mươi sáu đồng) bao gồm số tiền nợ gốc là 33.508.848 đồng (ba mươi ba triệu, năm trăm lẻ tám ngàn, tám trăm bốn mươi tám đồng) và tiền lãi quá hạn là 26.440.148 đồng (Hai mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn, một trăm bốn mươi tám đồng).

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S: Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 07/10/2011) ký giữa ông Hoàng Thế C và Ngân hàng TMCP S. Căn cứ thu nhập của ông C, Ngân hàng đã đồng ý cấp 2 thẻ tín dụng (gồm thẻ Visa Parkson 464932 – 0362, thẻ Visa Credit Gold 472075 – 3608) với hạn mức sử dụng chung là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 140.322.566 đồng (trong đó thẻ Visa Parkson 464932 – 0362 là 78.150.783 đồng, thẻ Visa Credit Gold 472075 – 3608 là 62.171.783 đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 208.612.291 đồng (trong đó thẻ Visa Parkson 464932 – 0362 là 123.096.930 đồng, thẻ Visa Credit Gold 472075 – 3608 là 85.515.361 đồng). Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã có Thông báo nhắc nợ nhưng ông C vẫn cố tình không trả nợ, do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 29/7/2017 nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 33.508.848 đồng làm nợ gốc, và lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi: Theo Thông báo số 113/TB – TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng TMCP S về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank là 2,15%/tháng tính từ ngày 06/7/2011, lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là đúng theo thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Như vậy, từ ngày 29/7/2017 đến ngày 29/7/2019 thì lãi suất nợ quá hạn cụ thể là: 26.440.148 đồng (Hai mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn, một trăm bốn mươi tám đồng).

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Các bên tự nguyện thỏa thuận về mức tiền lãi, và được quy định trong hợp đồng. Theo thỏa thuận thì tính từ thời điểm ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì toàn bộ bố nợ gốc chuyển thành nợ quá hạn, lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 26.440.148 đồng (Hai mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn, một trăm bốn mươi tám đồng). Do đó, số tiền lãi mà Ngân hàng TMCP S yêu cầu là có cơ sở chấp nhận. Kể từ ngày 29/7/2019 nếu ông C không trả, thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 07/10/2011.

[5] Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm vì yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 121, Điều 122, Điều 342, 343, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Hoàng Thế C có nghĩa vụ thanh toán tổng cộng số tiền tính đến ngày 29/7/2019 là 59.948.996 đồng (Năm mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi tám ngàn, chín trăm chín mươi sáu đồng) bao gồm số tiền nợ gốc là 33.508.848 đồng (ba mươi ba triệu, năm trăm lẻ tám ngàn, tám trăm bốn mươi tám đồng) và tiền lãi quá hạn là 26.440.148 đồng (Hai mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn, một trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày 29/7/2019 nếu ông C không trả, thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 07/10/2011.

Các bên Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Thế C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.997.450 đồng (Hai triệu, chín trăm chín mươi bảy ngàn, bốn trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S là 1.364.112 đồng (Một triệu, ba trăm sáu mươi tư ngàn, một trăm mười hai đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2017/0016061 ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngân hàng TMCP S và ông Hoàng Thế C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân quận 2 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ý và đóng dấu)

Đặng Thị Hải Yến

Nơi nhận
- VKSNDQ2, Tp.HCM;
- THAQ2, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.